

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

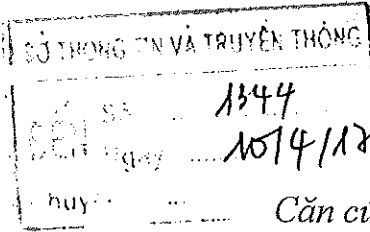
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09 /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý xây dựng và sử dụng chung hạ tầng
viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BTC-BTTTT ngày 27/12/2013 của liên Bộ: Xây dựng, Công thương, Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 05/TTr-STTTT ngày 13 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 300/2012/QĐ-UBND ngày 14/9/2012 của UBND tỉnh

ban hành quy định về xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ts*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Công ty Điện lực Bắc Giang;
- TTTT (đăng công báo);
- Lưu VT, TPKT;

Bản điện tử:

LĐVP, các phòng, đơn vị.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về quản lý xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2017/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm: sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Các nội dung khác liên quan không có trong quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, xây dựng và sử dụng chung hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Chương II SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG

Điều 3. Công bố thông tin và đề nghị sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

Các tổ chức, doanh nghiệp đang quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh phải thực hiện các công việc sau:

1. Thống kê các công trình có khả năng dùng chung, gồm: cột treo cáp, cột ăngten, hệ thống công, bể ngầm; thông báo đến Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Xây dựng các nội dung thông tin cần công bố về công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông cho thuê hoặc dùng chung, gồm: dung lượng, các điều kiện kỹ thuật trong quá trình vận hành, khai thác, mức giá cho thuê. Nội dung thông tin (kể cả khi có sự thay đổi) gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông và thông báo công khai cho doanh nghiệp khác biết.

3. Trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông đã xây dựng, các đơn vị có nhu cầu sử dụng phải gửi văn bản đến chủ sở hữu công trình đề nghị cho thuê hoặc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông để được xem xét, chấp thuận. Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cho thuê hoặc sử dụng chung, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải có văn bản trả lời cho đơn vị đề nghị.

4. Đơn vị cho thuê (hoặc đi thuê) hạ tầng kỹ thuật viễn thông khi tiến hành sửa chữa, nâng cấp, lắp đặt thiết bị liên quan trên hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị đang thuê (hoặc cho thuê) trước 05 (năm) ngày làm việc. Trường hợp ứng cứu thông tin đột xuất thì thực hiện thông báo bằng điện thoại hoặc Fax, nhưng sau đó phải có thông báo bằng văn bản cho đơn vị liên quan đang sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

Điều 4. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung

1. Giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải tuân thủ quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của liên Bộ: Tài chính, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, áp dụng theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bộ đơn giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung tỉnh Bắc Giang.

3. Khuyến khích các doanh nghiệp thỏa thuận giá thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Sử dụng chung cột treo cáp

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Tại các khu vực đô thị chưa hạ ngầm đường dây, tuyến cáp viễn thông và khu vực nông thôn, miền núi, nếu hệ thống cột treo cáp (cột treo cáp viễn thông riêng biệt, cột treo cáp của các ngành khác) còn khả năng treo thêm đường dây, cáp viễn thông thì chủ sở hữu cột phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để treo đường dây, cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm mỹ quan, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan.

2. Việc sử dụng chung cột treo cáp phải tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của nhà nước đối với cột, cáp viễn thông đi nổi, trong đó có QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

3. Không tự ý treo đường dây, cáp viễn thông lên hệ thống cột treo cáp khi đơn vị sở hữu cột chưa cho phép.

4. Các đơn vị sử dụng chung cột để treo cáp viễn thông và đơn vị sở hữu cột phải thiết lập đường dây nóng, cung cấp đầy đủ số điện thoại liên lạc cần thiết.

5. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp

a) Đơn vị sở hữu cột chủ trì, phối hợp với các đơn vị sử dụng chung cột để thực hiện việc tháo dỡ, di dời cột để giải phóng mặt bằng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di dời, thu hồi cột treo cáp, đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung cột phối hợp thực hiện di dời đồng bộ, chấp hành tiến độ giải phóng mặt bằng của cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp trên cột phải di dời, thu hồi có đường dây, cáp viễn thông nhưng không thể nhận biết được chủ sở hữu thì đơn vị sở hữu cột phải thông báo bằng văn bản cho tất cả các đơn vị sử dụng chung; thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp giải quyết. Sau 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các doanh nghiệp viễn thông không có sự phối hợp hoặc đường dây, cáp viễn thông trên cột vẫn chưa được tháo dỡ thì đơn vị sở hữu cột thông báo cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cùng phối hợp giám sát việc tháo dỡ đường dây, cáp viễn thông như tài sản vô chủ.

6. Doanh nghiệp chủ sở hữu cột cho thuê có trách nhiệm đầu tư kinh phí để chỉnh trang đường dây, cáp viễn thông.

7. Đường dây, cáp viễn thông phát triển mới phải tuân thủ quy định kỹ thuật và đồng bộ với mạng cáp đã được chỉnh trang, không được treo bên ngoài bó cáp, gây mất an toàn và mỹ quan, phải gắn thẻ nhận diện ghi thông tin đơn vị sở hữu cáp theo quy định.

Điều 6. Sử dụng chung cột ăngten

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 14 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với các khu vực có cột ăngten hiện hữu phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và đủ năng lực cho việc sử dụng chung, thì chủ sở hữu cột ăng ten phải tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để bảo đảm cảnh quan môi trường và mỹ quan đô thị.

2. Đối với những khu vực cho phép đầu tư xây dựng mới cột ăngten công kênh, chủ đầu tư phải tính toán thiết kế đảm bảo cột ăng ten đủ năng lực (chiều cao, kết cấu) để sử dụng chung với ít nhất 01 doanh nghiệp khác.

3. Các cột ăngten phục vụ cho an ninh quốc phòng phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 7. Sử dụng chung hệ thống công, bể ngầm

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 13 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ quy định quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với các khu vực có hệ thống công, bể ngầm hiện hữu đáp ứng năng lực sử dụng chung, chủ sở hữu hệ thống công, bể ngầm có trách nhiệm cho phép các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung để đảm bảo mỹ quan và hiệu quả sử dụng quỹ đất đô thị.

2. Đối với các khu vực có hệ thống công, bể ngầm hiện hữu nhưng không đáp ứng được cho việc sử dụng chung, khi nhận được đề nghị sử dụng chung hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước, thì các bên phối hợp cải tạo, nâng cấp hệ thống công, bể ngầm đảm bảo nhu cầu sử dụng chung; hoặc chủ sở hữu phải có trách nhiệm đầu tư nâng cấp hệ thống công, bể ngầm, tạo điều kiện cho việc sử dụng chung.

3. Tại những khu vực được quy hoạch xây dựng hệ thống công, bể ngầm để hạ ngầm đường dây, cáp viễn thông, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư hệ thống công, bể ngầm cho doanh nghiệp viễn thông thuê. Không đầu tư, xây dựng công trình công, bể ngầm dùng riêng cho từng doanh nghiệp viễn thông trên cùng một tuyến.

4. Chủ sở hữu hệ thống công, bể ngầm sử dụng chung có trách nhiệm xây dựng quy trình vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật, tuân thủ tiêu chuẩn ngành, yêu cầu kỹ thuật và an toàn mạng lưới.

Chương III

CHỈNH TRANG, NGÂM HÓA MẠNG NGOẠI VI

Điều 8. Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi

1. Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Việc chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi phải tuân thủ theo đúng lộ trình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, bảo đảm tối đa việc sử dụng chung

công trình hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan, an toàn và cảnh quan môi trường đô thị.

Điều 9. Triển khai chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi

1. Căn cứ Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của tỉnh, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm lập và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của doanh nghiệp mình.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sau khi có Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa đường dây, cấp viễn thông của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm chủ động tham gia phối hợp, bố trí thời gian, kinh phí để thực hiện chỉnh trang, ngầm hóa đường dây, cấp viễn thông của đơn vị mình trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch được phê duyệt. Nhà nước chỉ xem xét hỗ trợ kinh phí khi có điều kiện.

4. Đơn vị chủ sở hữu cột thực hiện kế hoạch chỉnh trang được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì phải thông báo bằng văn bản đến tất cả các đơn vị treo cáp sử dụng chung; thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp. Sau 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo, các doanh nghiệp không có sự phối hợp thì đơn vị sở hữu cột thông báo cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cùng phối hợp giám sát việc tháo dỡ đường dây, cấp viễn thông như tài sản vô chủ.

Khi chỉnh trang đường dây điện và dây viễn thông treo trên cột là tài sản của Công ty Điện lực Bắc Giang thì Công ty Điện lực Bắc Giang chịu trách nhiệm treo gông và cáp chịu lực trên tuyến, các doanh nghiệp viễn thông tự chỉnh trang, bó gọn phần cáp viễn thông của mình, đưa vào gông do Công ty Điện lực Bắc Giang đã treo.

Điều 10. Xử lý cáp viễn thông đứt; tủ/hộp cáp, cột treo cáp bị hỏng

1. Khi đường dây, cáp viễn thông đi treo đứt hoặc tủ/hộp cáp viễn thông bị hỏng, đơn vị sở hữu phải có mặt kịp thời để phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin. Sau thời gian: 02 (hai) giờ đối với khu vực trung tâm huyện, thành phố; 04 (bốn) giờ đối với khu vực còn lại, kể từ lúc nhận thông báo của cơ quan quản lý nhà nước qua điện thoại (cấp tỉnh là Sở Thông tin và Truyền thông, cấp huyện là Phòng Văn hóa và Thông tin) hoặc của tổ chức, cá nhân liên quan, đơn vị sở hữu không có mặt thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Khi xảy ra sự cố cột treo cáp bị hỏng (gãy, đổ), đơn vị sở hữu cột có trách nhiệm thay thế bằng cột mới hoặc kéo dây gia cường để treo tạm cáp. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố, các đơn vị sở hữu cáp viễn thông phải phối hợp lập phương án và hoàn thiện khắc phục sự cố hoặc thay thế cột bằng phương án hạ ngầm cáp gửi Sở Thông tin và Truyền thông và triển

khai các bước ngầm hóa cáp sau khi phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Trường hợp xảy ra thiên tai gây đứt đường dây, cáp viễn thông; hư hỏng tủ/hộp cáp; gãy, đổ cột treo cáp, đơn vị sở hữu có trách nhiệm khắc phục hậu quả sau thiên tai, thực hiện chỉnh trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông; dỡ bỏ, thu hồi, xử lý đường dây, cáp; tủ/hộp cáp, cột treo cáp không còn sử dụng đảm bảo mỹ quan đô thị.

Điều 11. Xử lý đối với trường hợp không thực hiện sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa mạng ngoại vi

Đường dây, cáp viễn thông, tủ/hộp cáp, măng sông nối cáp, bộ chia tín hiệu, cột treo cáp bị hỏng không sử dụng, xây dựng sai quy chuẩn, tiêu chuẩn hoặc không được triển khai sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa theo đúng lộ trình quy định nhưng không xác định được đơn vị sở hữu thì được xử lý như tài sản vô chủ.

Điều 12. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông và thiết bị phụ trợ

1. Dấu hiệu nhận biết đường dây, cáp viễn thông lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, công trình viễn thông riêng biệt thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của liên Bộ: Xây dựng, Công thương, Thông tin và Truyền thông; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 33:2011/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

2. Các thiết bị phụ trợ gồm tủ cáp, hộp cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình, bẻ cáp và cột treo cáp phải ghi thông tin quản lý theo quy định tại mục 2.7.2.1 QCVN 33:2011/BTTTT và các quy định có liên quan.

3. Đường dây, cáp viễn thông treo nổi qua các khu vực giao thông phải treo biển báo hiệu độ cao.

a) Màu sắc, kích thước của biển báo hiệu độ cao thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT.

b) Thông tin thể hiện trên biển báo hiệu độ cao gồm thông tin về tính chuyên ngành, chủ sở hữu hoặc đơn vị được ủy quyền quản lý đường dây, cáp viễn thông và chỉ số độ cao (theo khoảng cách thẳng đứng tính từ điểm thấp nhất tới mặt đường bộ hoặc đường thủy, đơn vị là mét, lấy sau dấu phẩy một đơn vị).

c) Vị trí lắp đặt biển báo hiệu độ cao: gắn trên đường dây, sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện việc chỉnh trang, sắp xếp lại hệ thống cột ăngten; hạ ngầm, chỉnh trang đường cáp viễn thông trên cơ sở bảo đảm tối đa việc sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, an toàn cho người dân, mỹ quan đô thị và cảnh quan môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, đưa tin về Quy định này. Hướng dẫn các cơ quan báo chí, đài truyền thanh tuyên truyền phổ biến, cung cấp đầy đủ và khách quan thông tin về an toàn bức xạ vô tuyến điện đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng; các quy định về xây dựng, lắp đặt các trạm thu, phát sóng vô tuyến điện (BTS);

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về xây dựng, lắp đặt, sử dụng các công trình viễn thông; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành viễn thông và các quy định có liên quan đối với các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng hệ thống công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và lắp đặt, cải tạo, sắp xếp các đường dây, cáp trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ để cập nhật dữ liệu về hiện trạng, quy hoạch và các dữ liệu khác có liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh;

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan giải quyết các thông tin phản ánh của người dân liên quan đến việc xây dựng và sử dụng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn;

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức giải quyết các vướng mắc đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông dùng chung. Thẩm định thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động sử dụng chung;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý các trường hợp quy định tại Điều 11 của Quy định này theo quy định của pháp luật đối với tài sản vô chủ.

i) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông tăng cường sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; tạo điều kiện giúp đỡ và hỗ trợ lực lượng vũ trang sử dụng hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không còn

phù hợp của tỉnh về quy trình, thủ tục cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động;

b) Chỉ đạo thanh tra xây dựng các cấp thanh tra, kiểm tra, phát hiện và phối hợp xử lý vi phạm các quy định về xây dựng đối với công trình viễn thông;

c) Cung cấp thông tin liên quan về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh để Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết, chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phù hợp, đảm bảo tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt;

d) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình xây dựng công cộng, khu đô thị, tòa nhà nhiều chủ sử dụng (chung cư, tòa nhà văn phòng, khách sạn...) và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

đ) Cấp phép xây dựng công trình viễn thông thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng quy hoạch phát triển giao thông vận tải; giải quyết đề nghị của các đơn vị có nhu cầu sử dụng một phần hành lang an toàn đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Cung cấp thông tin về dự án, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết để chủ động phối hợp di chuyển cũng như phối hợp đầu tư, mở rộng tuyến công, bề để tiết kiệm chi phí, tránh thiệt hại và mất liên lạc do sự cố trong quá trình thi công;

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình thi công công trình trong phạm vi quỹ đất dành cho xây dựng công trình giao thông đảm bảo an toàn công trình và an toàn giao thông;

d) Hướng dẫn doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình giao thông;

đ) Cấp phép thi công các công trình công, bề ngầm; tuyến cột treo cáp; tuyến cáp ngầm, cáp treo viễn thông trong phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

4. Sở Công Thương

a) Chỉ đạo Công ty Điện lực Bắc Giang treo gông và cáp chịu lực trên tuyến cần chính trang, bó gọn cáp; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và triển khai kế hoạch chính trang, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông treo trên cột điện dọc theo các tuyến phố, tuyến

đường chính, tại các khu đô thị đảm bảo mỹ quan, chất lượng và an toàn cho người dân; ưu tiên cấp điện cho các công trình hạ tầng viễn thông;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc sử dụng chung hệ thống cột điện trong phạm vi quyền hạn quản lý với giá thuê trên cơ sở giá thành, hợp tác cùng phát triển và vì lợi ích công đồng để treo đường dây, cấp điện lực và viễn thông đối với những khu vực chưa thể ngầm hóa và không thể bố trí thêm cột tại cùng vị trí;

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với các công trình điện lực và hạ tầng cụm công nghiệp.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổ chức giao đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh; thẩm định giá thuê trên cơ sở phương án giá thuê do chủ sở hữu hoặc đơn vị được giao quản lý công trình lập;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá theo quy định hiện hành.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông sử dụng chung và phối hợp tham gia chính trang, ngầm hóa mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

8. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn, an ninh trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các hành vi phá hoại, cố tình cản trở việc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông;

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phối hợp với Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan hỗ trợ và tạo điều kiện về thủ tục đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình viễn thông; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý

vi phạm trong việc chỉnh trang, hạ ngầm, xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông trên địa bàn;

b) Chỉ đạo hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định về quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông;

c) Cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo thẩm quyền được phân cấp;

d) Thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng, khu đô thị, tuyến đường giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên địa bàn quản lý cho Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên môn có liên quan và doanh nghiệp viễn thông biết, đề chủ động phối hợp quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông;

đ) Bố trí kinh phí xây dựng đề án, phương án thực hiện Kế hoạch chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

e) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến chỉnh trang, ngầm hóa mạng ngoại vi được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

10. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn quản lý;

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động kết hợp với hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp;

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc chấp hành các quy định chuyên ngành viễn thông đối với việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn quản lý.

11. Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình

Đưa tin, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, lợi ích kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của việc xây dựng, chỉnh trang, ngầm hóa, dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông và trách nhiệm bảo vệ công trình viễn thông trên địa bàn.

12. Các Doanh nghiệp viễn thông

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương tiếp nhận thông tin về quy hoạch, dự án, kế hoạch xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp, tuyến đường giao thông, tòa nhà có nhiều chủ sử dụng và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác để tiến hành đồng thời kế hoạch xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông của doanh nghiệp mình tại địa phương. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, đặc biệt là công trình mạng ngoại vi;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố đối với cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông. Có trách nhiệm thu hồi, xử lý các cáp ngoại vi viễn thông và thiết bị phụ trợ đã hỏng, không sử dụng;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi trực tiếp quản lý địa bàn. Chấp hành nghiêm chỉnh việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

d) Ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông đến các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm tiếp tục phổ cập dịch vụ viễn thông, nâng cao mật độ thuê bao điện thoại và Internet;

đ) Tăng cường công tác quản lý các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông trên cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm định công trình, quy hoạch, đầu tư và xây dựng cơ bản.

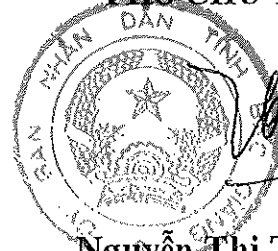
Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) các Sở, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quy định này đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy định này; trước ngày 31/12 hằng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh các khó khăn vướng mắc đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *hs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thu Hà

